

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ- ST
Ngày 29-02-2024
V/v ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Khiếu
- Ông Nguyễn Ngọc Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Tâm- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 295/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 16-01-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30-01-2024; thông báo mở lại phiên tòa số 01 ngày 16-02-2024 giữa;

Nguyên đơn: Chị Mạc Thị N, sinh năm 1995- Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 12, xã M, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Vương Văn B, sinh năm 1990- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mạc Thị N trình bày: Chị N và anh Vương Văn B, sinh năm 1990 có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, ở tại Thôn A, xã M, huyện M, tỉnh Y. Đến ngày 15 tháng 11 năm 2021 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Y. Chị N và anh B chung sống hòa thuận đến tháng 5 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh B thường xuyên hành hạ chửi mắng vợ con. Chị N và anh B đã sống ly thân từ tháng 5

năm 2023. Chị N xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị N và anh B có hai con chung: Vương Văn T, sinh ngày 29-12-2016 và Vương Văn T1, sinh ngày 03-10-2021. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Vương Văn T1, nhất trí để anh B trực tiếp nuôi cháu Vương Văn T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Vương Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh B vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị N được ly hôn anh B; giao cháu Vương Văn T1, sinh ngày 03-10-2021 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Vương Văn T, sinh ngày 29-12-2016 cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân tỉnh Y là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm:* Chị Mạc Thị N và anh Vương Văn B có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, ở tại Thôn A, xã M, huyện L, tỉnh Y. Đến ngày 15 tháng 11 năm 2021 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp. Chị N và anh B chung sống hòa thuận đến tháng 5 năm

2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh B thường xuyên hành hạ chửi mắng vợ con. Chị N và anh B đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023. Tại phiên tòa chị N vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt chị N xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Về phía anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không lý do. Mặc dù anh B biết việc chị N xin ly hôn, nhưng anh B không có ý kiến gì. Biên bản xác minh ngày 04-01-2024 tại Thôn A, xã M, huyện L, tỉnh Y nơi chị N và anh B cư trú, sinh sống cũng xác nhận: Chị N và anh B có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016. Đến ngày 15 tháng 11 năm 2021 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L. Anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 5 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh B thường xuyên hành hạ chửi mắng vợ con. Chị N và anh B đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị N và anh B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị N được ly hôn anh B.

[4] *Về con chung*: Chị N và anh B có hai con chung: Vương Văn T, sinh ngày 29-12-2016 và Vương Văn T1, sinh ngày 03-10-2021. Tại phiên tòa chị N vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Vương Văn T1, nhất trí để anh B trực tiếp nuôi cháu Vương Văn T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc nuôi con chung nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù anh B biết được yêu cầu nuôi con chung của chị N nhưng anh B không có ý kiến gì. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “..... Nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con” và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi”. Hội đồng xét xử thấy rằng: Về điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung của chị N và anh B như nhau. Hiện nay hai cháu T và cháu T1 đang sống cùng anh B, cháu Trần, sinh ngày 29-12-2016 trên 07 tuổi, nguyện vọng của cháu T muốn được ở cùng anh B; cháu T1 sinh ngày 03-10-2021 còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó yêu cầu nuôi con của chị N được trực tiếp nuôi cháu T1, để anh B được trực tiếp nuôi cháu T có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp pháp luật, phù hợp với thực tế cần áp dụng các Điều 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu này của chị N.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điểm a, b khoản 1 Điều 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Chị Mạc Thị N được ly hôn anh Vương Văn B

2- Về con chung xử: Giao cháu Vương Văn T1, sinh ngày 03-10-2021 cho chị Mạc Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Vương Văn T, sinh ngày 29-12-2016 cho anh Vương Văn B trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Mạc Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2023/0001582 ngày 08-12-2023 tại chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Y. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo: Chị Mạc Thị N, anh Vương Văn B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh